

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 9/7/2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lợi

Bà Hoàng Thị Thúy

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 9/7/2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 324/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXX-ST ngày 25/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Quang T, sinh năm 1957 (có mặt)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1963 (có mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18/12/2019, bản tự khai, nguyên đơn ông Ngô Quang T trình bày: Ông và bà Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 1982 tại UBND xã Q, huyện Q, Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà đã làm mất Giấy chứng nhận kết hôn, đã đề nghị UBND xã Q, huyện Q, Thanh Hóa cấp lại Trích lục kết hôn nhưng chính quyền địa phương không còn hồ sơ lưu trữ. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Bà L thường xuyên chửi bới ông. Từ năm 2015 đến nay ông bà đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà L.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn bà Phạm Thị L trình bày: Bà và ông Ngô Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 1982 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà đã làm mất Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống; ông T thường xuyên đánh đập bà. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ tháng 09/2018 đến nay đã sống ly thân, tuy nhiên bà vẫn quan tâm chăm sóc ông T nhưng ông T thì không quan tâm chăm sóc đến bà, nay ông T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, vì vợ chồng tuổi đã cao, không muốn các con, các cháu xấu hổ nên bà không đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông T và bà L có 03 con chung là anh Ngô Văn K sinh ngày 12/02/1983, chị Ngô Thị N sinh ngày 20/02/1985 và anh Ngô Quang C sinh ngày 11/02/1986, ông T và bà L thống nhất do cả 03 con đã trưởng thành nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông T và bà L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân như sau: Tại biên bản xác minh ngày 24/4/2020 ông Phạm Đức T Trưởng thôn, bà Bùi Thị D Chi hội phó chi hội phụ nữ thôn T, thị trấn T, huyện Q xác nhận: Sau khi kết hôn ông T và bà L chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chính quyền địa phương đã tổ chức hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ý kiến đại diện VKSND huyện Quảng Xương:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn có tham giaphiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không ký vào biên bản, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 85; khoản 1 Điều 89; Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình 2000; điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273 BLTTDS 2015; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5

điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án;

Về hôn nhân: Xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Ngô Quang T, xử cho ông Ngô Quang T được ly hôn bà Phạm Thị L.

Về con chung và tài sản đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Ông T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Ngô Quang T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn bà Phạm Thị L có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa là tranh chấp thuộc thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Ngô Quang T và bà Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới theo phong tục tập quán năm 1982, theo lời khai của các đương sự có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, Thanh Hóa, quá trình chung sống ông bà đã làm mất Giấy chứng nhận kết hôn. Tại xác nhận ngày 04/9/2019 của UBND xã Q và biên bản xác minh ngày 24/4/2020 của Tòa án, UBND xã Q xác nhận trường hợp đăng ký kết hôn của ông Ngô Quang T và bà Phạm Thị L hiện tại sổ lưu trữ không có lưu trữ, UBND xã Q không khẳng định được ông T bà L có đăng ký kết hôn hay không, ông T và bà L cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh là đã đăng ký kết hôn. Tuy nhiên tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định như sau: *"a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn"* Tại mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 quy định: *"...trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung"*

Đến trước thời điểm ngày 03/01/1987 thì ông T và bà L có đủ điều kiện để kết hôn, đã tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới; sau khi cưới đã chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian dài, có con chung, đã thực sự xây dựng gia đình

là đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hôn nhân thực tế được quy định tại điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội. Do đó, việc ông T, bà L tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ trước ngày 03/01/1987 đến nay không có đăng ký kết hôn nhưng vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống hạnh phúc được 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống; hiện nay ông bà đã sống ly thân nhau. Chính quyền địa phương và Tòa án đã hòa giải nhưng ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, tại phiên tòa bà L thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nhưng ông bà tuổi đã cao, không muốn các con các cháu xấu hổ nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy áp dụng các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; xử cho ông Ngô Quang T được ly hôn bà Phạm Thị L là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông T và bà L có 03 con chung là anh Ngô Văn K sinh ngày 12/02/1983, chị Ngô Thị N sinh ngày 20/02/1985 và anh Ngô Quang C sinh ngày 11/02/1986, ông T và bà L thống nhất do cả 03 con đã trưởng thành nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Ông T và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a mục 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Quang T, xử cho ông Ngô Quang T được ly hôn bà Phạm Thị L.

Về con chung: Ông T và bà L có 03 con chung là anh Ngô Văn K sinh ngày 12/02/1983, chị Ngô Thị N sinh ngày 20/02/1985 và anh Ngô Quang C

sinh ngày 11/02/1986, ông T và bà L thống nhất do cả 03 con đã trưởng thành nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản: Ông T và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Ông Ngô Quang T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0001948 ngày 27/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lợi HoàngThị Thúy

Cao Văn Tuấn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự Quảng Xương;
- UBND xã thị trấn Tân Phong, Quảng Xương;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Văn Lợi HoàngThị Thúy

Cao Văn Tuấn

